TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 24-3-2020.
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé.

2. Bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc, Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Kim L, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp T, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang; xin vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Văn Phúc thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang; xin vắng mặt

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp T2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lâm Thị Kim L trình bày: Bà và ông H kết hôn vào năm 2009, hôn nhân do quen biết, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định. Chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hay cự cải, ông H không quan tâm đến bà, từ khi không còn sống chung ông H không liên lạc hay tới lui hàn gắn tình cảm. Bà L nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Nguyễn Đình H.

Về con chung: vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Đình H1, sinh ngày 31/8/2010, hiện cháu H1 do ông H chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà L đồng ý để ông H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 (tám trăm nghìn) đồng đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Đình H trình bày: thời gian mâu thuẫn, ly thân bà L trình bày là đúng, ông có đi tìm bà L để hàn gắn tình cảm nhưng bà L không đồng ý. Nay bà L xin ly hôn với ông, ông không đông ý vì còn thương bà L, ông không xin Tòa án cho ông thời gian hàn gắn tình cảm.

Về con chung: vợ chồng có 1 (một) con chung tên Nguyễn Đình H1, sinh ngày 31/8/2010, hiện cháu H1 do ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Bà Lâm Thị Kim L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình H, ông H có nơi cư trú tại ấp T2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Lâm Thị Kim L, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Phúc có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về nội dung

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L, ông H là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của ông, bà cho thấy rằng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không còn chung sống với nhau từ năm 2017. Qua xác minh tại địa phương, bà L, ông H không còn sống chung với nhau khoảng năm 2017 đến nay. Bà L xin ly hôn ông H, ông H không đồng ý ly hôn với bà L vì còn thương vợ. Nhận thấy, ông H không đồng ý ly hôn với bà L nhưng ông không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm để vun vén xây dựng hạnh phúc gia đình, đến nay mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[2.2].Về quan hệ con chung: 01 (một) con chung tên Nguyễn Đình H1, sinh ngày 31/8/2010, hiện cháu H1 do ông H chăm sóc nuôi dưỡng. Do cháu H1 trên 07 tuổi Tòa án đã tiến hành ghi nhận nguyện vọng của cháu H1 và cháu có nguyên vọng sống với ông H. Khi ly hôn, bà L và ông H cũng thống nhất giao cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1. Vì vậy nghĩ nên giao cho ông H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà L đóng góp phí tổn nuôi con nêu Tòa án cho ly hôn và ông được nuôi con, bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 (tám trăm nghìn) đồng đến khi con chung thành niên. Xét sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà L không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 ghi nhận tự nguyên cấp dưỡng nuôi con của bà L mỗi tháng 800.000 (tám trăm nghìn) đồng đến khi con chung thành niên.

Ông Nguyễn Đình H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.4].Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5].Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.6]Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lâm Thị Kim L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 273, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Kim L xin ly hôn với ông Nguyễn Đình H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 00122/2012, quyển số 02/2012 ngày 19 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung:

Ông Nguyễn Đình H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đình H1, sinh ngày 31/8/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 (tám trăm nghìn) đồng đến khi cháu H1 thành niên.

Ông Nguyễn Đình H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận việc bà Lâm Thị Kim L và ông Nguyễn Đình H xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà L và ông H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lâm Thị Kim L chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007896 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà L phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Báo cho bà L, ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND TT Chợ Mới, h. Chợ Mới, An Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Bình